

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày 06/4/2021
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền.

Bà Trịnh Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Cao Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ Tín dụng nhân dân H.

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang V - Trưởng ban kiểm soát Quỹ Tín dụng nhân dân H. Có mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1984.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1983. (Theo giấy ủy quyền ngày 05/4/2021). Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 03, Quốc lộ 1A, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 03, Quốc lộ 1A, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo nhu cầu vay vốn của bà Đỗ Thị V, Quỹ tín dụng nhân dân H đã thống nhất cho bà Đỗ Thị V vay vốn và hai bên ký Hợp đồng tín dụng số 2017-1-00013/HĐTD ngày 17/02/2017, người thừa kế là ông Bùi Minh T (chồng bà V). Nội dung hợp đồng: Số tiền vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển vật liệu xây dựng; thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày 17/02/2017 đến ngày 17/02/2018; lãi suất cho vay 0,95%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng hoặc tại thời điểm phát tiền vay (nếu cho vay theo hạn mức tín dụng), trong trường hợp cần thiết QTDND H sẽ tự điều chỉnh tăng giảm lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và theo quyết định của Hội đồng quản trị QTDND H; lãi suất tiền vay phải trả tính từ ngày vay đến ngày trả nợ; hình thức trả lãi: trả lãi hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn, gốc và lãi, bằng 150% lãi suất nợ trong hạn; tiền gốc trả vào cuối kỳ (ngày 17/02/2018);

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Quỹ tín dụng nhân dân H và bà Đỗ Thị V đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số 2017-1-00013/HĐTC ngày 13/01/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 13/01/2017 theo số công chứng 4816, quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02 (E_48_08_111_a) bản đồ địa chính xã K (Lô số 48 mặt bằng quy hoạch số 112 được UBND huyện H phê duyệt ngày 24/12/2007); đứng tên chủ sử dụng ông Bùi Minh T và bà Đỗ Thị V, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 350557, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất CH 013..., cấp ngày 22/6/2011.

Sau khi thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp, ngày 17/02/2017 Quỹ tín dụng nhân dân H đã giải ngân số tiền 300.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị V (Bà V đã ký giấy nhận nợ ngày 17/02/2017).

Quá trình thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết bà V mới trả được số tiền lãi đến ngày 06/02/2018 là 16.000.000 đồng. Từ đó bà V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi trả, nợ gốc, không đúng và đủ theo hợp đồng đã ký. Quỹ tín dụng đã nhiều lần đôn đốc đòi nợ (ngày 06/9/2018 ông Bùi Minh T đã làm cam kết trả nợ với Quỹ tín dụng), nhưng bà Đỗ Thị V không trả nợ, đến nay bà Đỗ Thị V còn nợ của Quỹ tín dụng tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/12/2020 còn nợ lãi trong hạn 117.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 49.162.500 đồng. Nay buộc vợ chồng bà V trả số tiền nợ gốc, lãi trên và tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo sau khi có bản án sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ.

Vợ chồng bà V, ông T không thực hiện việc trả nợ, đề nghị Tòa án giải quyết giao cho cơ

quan nhà nước có thẩm quyền thanh lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02 (E_48_08_111_a) bản đồ địa chính xã H (lô số 48 mặt bằng quy hoạch số 112 được UBND huyện H phê duyệt ngày 24/12/2007); đứng tên chủ sử dụng ông Bùi Minh T và bà Đỗ Thị V để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà V và ông T.

Theo bản tự khai ngày 18/01/2021, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án của bị đơn bà Đỗ Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Minh T thể hiện:

Ngày 17/02/2017 bà V có ký với Quỹ tín dụng nhân dân xã H Hợp đồng tín dụng số 2017-1-00013/HĐTD, vay số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), mục đích sử dụng: Dịch vụ vận chuyển vật liệu xây dựng; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,95%/tháng. Do làm ăn gặp khó khăn và thua lỗ nên gia đình tôi không có khả năng trả nợ cho Quỹ tín dụng.

Nay Quỹ tín dụng yêu cầu chúng tôi trả khoản nợ gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) còn số tiền lãi theo như Quỹ tín dụng tính nợ lãi trong hạn 117.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn 49.162.000 đồng, chúng tôi không đồng ý mà chúng tôi chỉ đồng ý trả tiền lãi cho Quỹ tín dụng trong thời hạn hợp đồng đã ký kết.

Sau khi chúng tôi vi phạm hợp đồng, do Quỹ tín dụng không thực hiện việc xử lý tài sản thế chấp do đó chúng tôi không chịu số tiền lãi phát sinh. Về phương thức trả nợ chúng tôi đề nghị dùng tài sản thế chấp để trả nợ cho Quỹ tín dụng; đề nghị Quỹ tín dụng cho chúng tôi trả dần 6 đợt cụ thể mỗi năm chúng tôi trả 50.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi trả hết số nợ.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/01/2021: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 350557 cấp ngày 22/6/2011, chủ sử dụng đất ông Bùi Minh T, bà Đỗ Thị V. Tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02 (E_48_08_111_a) bản đồ địa chính xã K (Lô số 48 mặt bằng quy hoạch số 112 được UBND huyện H phê duyệt ngày 24/12/2007); Phía Bắc giáp ngõ đi có chiều rộng 7,3m; phía Nam giáp ngõ (ngõ rộng 2,5m) đi có chiều rộng 7,3m; phía Đông giáp lô 47 hộ ông H kích thước 15m; phía Tây giáp lô 49 hộ bà V, ông T kích thước 15m.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền gốc 300.000.000 đồng, tính đến ngày 18/12/2020, tiền lãi trong hạn 117.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 49.162.500 đồng và tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T và bà V trả hết toàn bộ số nợ cho Quỹ tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông T và bà V không thi hành việc trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số

2017-1-00013/HĐTC ngày 13/01/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 13/01/2017.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Việc vợ chồng tôi vay của Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền gốc 300.000.000 đồng, tính đến ngày 18/12/2020, tiền lãi trong hạn 117.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 49.162.500 đồng là đúng, nay do làm ăn khó khăn nên chúng tôi chưa có khả năng trả nợ, nên đề nghị Quỹ tín dụng xử lý tài sản để trả số tiền gốc, nếu thiếu chúng tôi tiếp tục trả tiếp, còn về số tiền lãi chúng tôi xin Quỹ tín dụng cho số tiền lãi trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân H. Buộc Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T trả cho Quỹ tín dụng số tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 117.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 49.162.500 đồng và tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T và bà V trả hết toàn bộ số nợ cho Quỹ tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông T và bà V không thi hành việc trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số 2017-1-00013/HĐTC ngày 13/01/2017. Án phí: Buộc bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho QTDND H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại xã K, huyện H và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa giải quyết. Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 02/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 theo nội dung tranh chấp hợp đồng tín dụng, ngày 23/3/2021 Quỹ Tín dụng H cung cấp giấy chứng nhận kinh doanh của hộ ông T, phù hợp với nội dung bà V khai và nội dung mục đích vay trong

hợp đồng, đây là quan hệ tranh chấp mà hai bên có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận nên xác định là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên ký kết Hợp đồng tín dụng số 2017-1-00013/HĐTD ngày 17/02/2017, các bên có nhiều biên bản làm việc, biên bản làm việc gần nhất là vào ngày 06/9/2018 là bản cam kết trả nợ, ngày 18/12/2020 Quỹ tín dụng nhân dân H có đơn khởi kiện đối với bà Đỗ Thị V, thời hiệu khởi kiện được đảm bảo theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Quỹ tín dụng nhân dân H ngày 17/02/2017 có ký Hợp đồng tín dụng số 2017-1-00013/HĐTD với bà Đỗ Thị V, người thừa kế ông Bùi Minh T (chồng bà V) vay 300.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng (từ ngày 17/02/2017 đến ngày 17/02/2018); lãi suất cho vay 0,95%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng hoặc tại thời điểm phát tiền vay, trong trường hợp cần thiết QTDND H sẽ tự điều chỉnh tăng giảm lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và theo quyết định của Hội đồng quản trị QTDND H; mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển vật liệu xây dựng; phương thức trả nợ: trả lãi hàng tháng, tiền gốc trả vào cuối kỳ; lãi suất nợ quá hạn gốc và lãi bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Bà V đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng (ngày 17/02/2017), quá trình thực hiện hợp đồng bà V mới trả số tiền lãi đến ngày 06/02/2018 là 16.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà V không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 2017-1-00013/HĐTD. Như vậy, việc Quỹ tín dụng nhân dân H khởi kiện yêu cầu bà V, ông T trả toàn bộ dư nợ gốc tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/12/2020 còn nợ lãi trong hạn 117.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 49.162.500 đồng là có căn cứ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Theo ký kết của hợp đồng tín dụng và việc giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng thì lãi suất được tính cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 18/12/2020, đây là sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn (không tính lãi từ sau ngày 18/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm).

Bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T có quan hệ là vợ chồng, ông T ký hợp đồng là người thừa kế hợp đồng và thế chấp tài sản đảm bảo là đất ở của chung vợ chồng, do đó cần buộc ông bà Đỗ Thị V, ông Bùi Minh T cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ Tín dụng nhân dân H số tiền trên.

[3.2] Về yêu cầu của bà V, ông T: Bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T thừa nhận khoản nợ hiện nay như Quỹ tín dụng yêu cầu là đúng và đề nghị phương thức trả nợ là trả mỗi năm là 50.000.000 đồng từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ và không chấp nhận lãi suất quá hạn. Tại phiên tòa ông T là người được bị đơn ủy quyền và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận còn nợ Quỹ tín dụng số tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 117.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 49.162.500 đồng tính đến ngày 18/12/2020 là đúng, đề nghị Quỹ tín dụng xử lý tài sản để trả số tiền gốc, nếu thiếu tiếp tục trả, còn về số tiền lãi xin Quỹ tín dụng; đại diện Quỹ tín dụng không đồng ý theo đề nghị của ông T đề nghị buộc vợ chồng ông T thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của ông T và bà V.

[3.3] Đối với Hợp đồng thế chấp:

Bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số 2017-1-00013/HĐTD ngày 13/01/2017 với Quỹ TDND H, hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Đ. Tài sản thế chấp quyền sử dụng đất, diện tích 109,5m², thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02 (E_48_08_111_a) bản đồ địa chính xã K (Lô số 48 mặt bằng quy hoạch số 112 được UBND huyện H phê duyệt ngày 24/12/2007); đứng tên chủ sử dụng ông Bùi Minh T và bà Đỗ Thị V, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 350557, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất CH 01388, cấp ngày 22/6/2011.

Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp, nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ phát sinh bao gồm và không giới hạn bởi hợp đồng tín dụng số 2017-1-00013/HĐTD ngày 17/02/2017 và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan đến các hợp đồng tín dụng, các chi phí khác có liên quan đến xử lý tài sản thế chấp; việc thế chấp tài sản đã được công chứng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H bảo đảm theo quy định nên yêu cầu của nguyên đơn về việc có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể 466.162.500 đồng = 20.000.000 đồng + (66.162.500 đồng x 4%) = 22.646.500 đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm

11.300.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân H theo biên lai thu số AA/0010233 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 317; Điều 318; Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 18/12/2020 của Quỹ tín dụng nhân dân H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Buộc bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 117.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 49.162.500 đồng (tính đến ngày 18/12/2020). Tổng tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn 466.162.500 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày 07/4/2021 (ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T tiếp tục phải trả các khoản nợ phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 2017-1-00013/HĐTD ngày 17/02/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số 2017-1-00013/HĐTD ngày 13/01/2017. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (109,5m²) tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02 (E_48_08_111_a) bản đồ địa chính xã K(Lô số 48 mặt bằng quy hoạch số 112 được UBND huyện H phê duyệt ngày 24/12/2007); đứng tên chủ sử dụng ông Bùi Minh T và bà Đỗ Thị V, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 3505..., số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất CH 013..., cấp ngày 22/6/2011.

3. Án phí: Bà Đỗ Thị V và ông Bùi Minh T phải chịu số tiền 22.646.500 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền tạm ứng án phí 11.300.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/0010233 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng